

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Long Hòa, xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Xây dựng 47

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Long Hòa, xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 26/9/2019;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Long Hòa, xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1403/CV-KT ngày 04/10/2019 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 930/TTr-STNMT ngày 04/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM của Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 thực hiện tại thôn Long Hòa, xã An Hòa, huyện An Lão,

tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án (có phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND xã An Hòa theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

4. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với các quy định tại Điều 1 Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

6. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN&M (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện An Lão;
- UBND xã An Hòa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Long
Hòa, xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định
của Công ty Cổ phần Xây dựng 47
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2019 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Long Hòa, xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xây dựng 47.

1.3. Địa chỉ liên hệ: số 08 Biên Cương, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án:

- Tổng diện tích dự án là 11,92ha bao gồm 3,44ha diện tích khu vực khai thác; 3,16ha diện tích bãi thải đất đá, hành lang cây xanh; 5,32ha diện tích sân công nghiệp.

- Tuổi thọ mỏ: 03 năm; thời gian làm việc trong ngày là 8 giờ (từ 7h30 đến 11h30, từ 13h30 đến 17h30).

- Công suất khai thác: 541.282 m³ đá nguyên khai/03 năm.

- Công suất chế biến: 622.474 m³ đá vật liệu xây dựng/03 năm.

(Công suất từng năm phụ thuộc vào nhu cầu đá vật liệu để thi công xây dựng công trình Hồ chứa nước Đồng Mít).

- Tổng khối lượng đất bóc tầng phủ phát sinh trong quá trình khai thác: 361.881 m³.

- Quy trình khai thác: bóc lớp tầng phủ → khoan nổ mìn → vận chuyển đá về khu vực trạm nghiền → xay nghiền thành đá vật liệu xây dựng.

- Phương pháp khai thác: Mở vỉa tại cos +80m tại phía Tây Bắc khai trường; sử dụng hệ thống khai thác theo lớp bằng, cos kết thúc khai thác + 40m.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: Xây dựng tuyến đường vận tải trong mỏ; khu điều hành (nhà điều hành, nhà văn phòng, kho phụ tùng, nhà ở công nhân, nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, kho mìn); 02 trạm nghiền (200 tấn/giờ và 300 tấn/giờ); bãi chứa đá dăm sau xay nghiền; trạm biến áp (500 KVA và 630 KVA).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ hoạt động dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Trong giai đoạn hoạt động, dự án phát sinh các loại chất thải sau: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn; bụi, tiếng ồn; chất thải rắn sinh hoạt, đất đá thải trong quá trình khai thác; chất thải nguy hại. Ngoài ra, quá trình khai thác sẽ gây ra các vấn đề môi trường khác: sa bồi, sạt lở, rung động khi nổ mìn, đá văng,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ khu vực nhà ăn, văn phòng, nhà vệ sinh, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao; lưu lượng phát sinh khoảng 4,23 m³/ngày.

b. Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, chất thải rắn phát tán vào môi trường nước gây ô nhiễm nguồn nước; lưu lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án khoảng 8.637 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi:

Bụi phát sinh từ quá trình khai thác khoảng 967,2 kg/ngày; tại khu vực trạm nghiền khoảng 42,3 kg/giờ và từ quá trình vận chuyển khoảng 4.110,6 kg/ngày.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a. Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ khu vực văn phòng, nhà làm việc, nhà ở công nhân (giấy, thức ăn thừa, vỏ trái cây, bao bì nhựa, thủy tinh, ...), có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi; lượng phát sinh khoảng 28,2 - 56,4 kg/ngày.

b. Đất đá thải: khoảng 361.881 m³ đất bóc tầng phủ và 14.074 m³ đá mò côi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- CTNH phát sinh tại gara sửa chữa: Giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt thải (mã số CTNH: 18 02 01) khoảng 100 kg/năm; dầu nhớt thải (mã số CTNH: 17 06 01) khoảng 1.008 kg/năm.

- CTNH phát sinh tại dự án: Bóng đèn huỳnh quang thải (mã số CTNH: 16 01 06) khoảng 15 kg/năm; bình acquy hỏng (mã số CTNH: 19 06 01) khoảng 20 kg/năm.

Các loại CTNH trên có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác (không có).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt: được xử lý bằng bể tự hoại cải tiến đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

b. Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng mương thoát nước (mương đất) xung quanh khu vực khai trường với chiều dài 570m và xung quanh sân công nghiệp với chiều dài 520m.

- Xây dựng hồ lắng 2 ngăn ở phía Tây Bắc (tọa độ X = 1.612.862, Y = 571.377) và Tây Nam khai trường (tọa độ X = 1.612.681, Y = 571.295), kích thước mỗi hồ: dài 50m x rộng 10m x sâu 2m, có kè chắn bằng đá (dài 120m x rộng 0,5m x cao 2m) để xử lý nước mưa chảy tràn đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với $K_q=0,9$ và $K_f = 0,9$. Nước sau xử lý qua đập tràn, theo mương hiện trạng thoát ra sông An Lão.

* Quy trình xử lý:

Nước mưa chảy tràn → mương thoát nước → hồ lắng 02 ngăn phía Tây Bắc và Tây Nam khai trường → đập tràn → mương hiện trạng → sông An Lão.

3.2. Về xử lý bụi:

- Tại khu vực khai thác:

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân để hạn chế tác động của bụi.

+ Giữ lại dải cây xanh cách ly (rộng khoảng 5m, dài khoảng 200m, dọc phía Tây khu vực khai thác) giữa khu vực bãi thải phía Tây khai trường và đường giao thông để giảm thiểu bụi phát sinh.

- Tại khu vực chế biến:

+ Lắp đặt 02 thiết bị phun sương tạo ẩm trên băng tải 02 trạm xay nghiền.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân để hạn chế tác động của bụi.

+ Trồng vành đai cây xanh hoặc lắp hàng rào bằng tôn dọc phía Tây sân công nghiệp để giảm thiểu bụi từ trạm nghiền.

- Trong quá trình vận chuyển: Phun nước trên tuyến đường vận chuyển đá từ dự án đến công trình hồ Đồng Mít và tuyến đường vận chuyển đất đi đổ thải (tại các đoạn đường đi qua khu dân cư) vào mùa nắng với tần suất 04 lần/ngày.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a. Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị các thùng đựng rác tại văn phòng làm việc, nhà ăn, nhà nghỉ của công nhân để thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý rác tại địa phương với tần suất thu gom 03 lần/tuần.

b. Đất bóc tầng phủ:

- Đất bóc tầng phủ: được lưu chứa tại bãi thải phía Tây khai trường (ngoài khu vực khai thác) với diện tích: 8.000 m² (dài 160m x rộng 50m x cao 4m) có kè chắn (sử dụng đoạn kè chắn đá lẫn phía Tây khai trường) trước khi vận chuyển đi đổ thải tại vị trí quy hoạch khu dân cư phía Tây xã An Hòa. Lượng đất bóc tầng phủ để thực hiện cải tạo phục hồi môi trường (khoảng 44.445 m³) được lưu chứa tại phía Tây khai trường và bãi thải khu vực sân công nghiệp với

diện tích: 4.000 m² (dài 100m x rộng 40m x cao 3,5m), có kè chắn bằng đá (rộng 0,5m x cao 1m).

- Lượng đá mô côi thải được tận dụng làm kè chắn hồ lắng, bãi thải và kè chắn đá lặn.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại được phân loại chứa trong các thùng có dán nhãn theo quy định, lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại gần khu vực trạm nghiền (tọa độ X = 1.612.570, Y = 571.298) có mặt sàn chống thấm, có mái che; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: Thực hiện nổ mìn theo phương án nổ mìn (thông số khoan nổ mìn, thời gian thực hiện, các biện pháp đảm bảo an toàn khi nổ mìn...) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.7. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường (CTPHMT):

a. Thực hiện CTPHMT với nội dung như sau: Thu dọn toàn bộ đá treo trên sườn tầng khai thác; tháo dỡ công trình phụ trợ, kè chắn bãi thải; san lấp hồ lắng, hệ thống các mương thoát nước; san gạt mặt bằng, trồng cây xanh tại khu vực thuộc quy hoạch chức năng rừng sản xuất.

Nội dung chi tiết tại bảng sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1	Tháo dỡ, cạy bẫy đá quá cỡ còn sót lại trên các sườn tầng và thu gom đá rơi tại các sườn tầng.	m ³	314,5	Đưa các sườn tầng về trạng thái an toàn	Ngay sau khi kết thúc từng tầng khai thác
2	Tháo dỡ các công trình phụ trợ, công nghiệp và kè chắn sau khi kết thúc khai thác.			Trả lại mặt bằng cho địa phương quản lý	Hoàn thành sau 50 ngày kể từ ngày kết thúc khai thác
2.1	<i>Tháo dỡ các công trình phụ trợ trả lại mặt bằng (nhà làm việc, nhà nghỉ công nhân, nhà ăn, kho mìn, ...).</i>	m ²	739,5		
2.2	<i>Tháo dỡ kè chắn bãi thải và kè chắn phía Tây dự án.</i>	m ³	1.502,5		
2.3	<i>Tháo dỡ hệ thống trạm biến áp và đường dây điện.</i>	Hệ thống	02		
2.4	<i>Tháo dỡ trạm xay nghiền đá.</i>	Hệ thống	02		
3	San gạt tạo mặt bằng, san lấp hệ thống mương thoát nước và hồ lắng.	m ³	44.445,4	Đảm bảo địa hình sau khi kết thúc khai thác được bằng phẳng	Hoàn thành sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc khai thác
3.1	<i>San lấp hồ lắng và hệ thống mương thoát nước.</i>	m ³	4.329,4		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
3.2	San gạt tạo mặt bằng khu vực dự án.	m ³	40.116		
4	Lắp đặt biển cảnh báo.	cái	10	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Ngay sau khi kết thúc khai thác
5	Trồng rừng keo lai khu vực dự án mật độ 2.000cây/ha.	ha	7,47	Phủ xanh khu vực khai thác	
6	Đo vẽ địa hình.	ha	11,92		Ngay sau khi kết thúc quá trình CTPHMT

b. Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí CTPHMT là: **3.714.700.000** (Ba tỷ bảy trăm mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng); thực hiện ký quỹ như sau:

- Số lần ký quỹ: 03 lần.

+ Lần 1, số tiền: 928.675.000 đồng; thời điểm ký quỹ: 30 ngày kể từ ngày phê duyệt Báo cáo ĐTM.

+ Các lần còn lại, số tiền: 1.393.012.500 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2019.

3.8. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Xây dựng kè chắn phía Tây khai trường với chiều dài khoảng 415m (kích thước: cao 2m x rộng mặt kè 1,5m x rộng chân kè 2m), có lắp lưới B40 cao 1,8m để ngăn việc đá văng và sa bồi xuống đường giao thông và khu vực hạ lưu; thu dọn đá văng trên đường giao thông sau khi nổ mìn.

- Lắp biển cảnh báo nổ mìn, thông báo bằng loa cho người dân và công nhân làm việc tại mỏ, cử người canh gác 2 đầu tuyến đường để thông báo cho người và phương tiện lưu thông không qua lại trước khi thực hiện nổ mìn.

- Khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

3.9. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (không có).

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn; hồ lắng phía Tây Bắc và Tây Nam khai trường.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại.

- Thiết bị phun sương tạo ẩm trên băng tải 02 trạm xay nghiền.

- 01 bãi thải phía Tây khai trường và 01 bãi thải khu vực sân công nghiệp.
- Thiết bị thu gom, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường theo nội dung Báo cáo ĐTM được phê duyệt và gửi báo cáo kết quả quan trắc định kỳ về Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt quan trắc, cụ thể chương trình giám sát như sau:

5.1. Giám sát chất lượng nước thải sau khi ra khỏi hồ lắng

- Vị trí giám sát: đầu ra tại mỗi hồ lắng (hồ lắng phía Tây Bắc và hồ lắng phía Tây Nam khai trường).
- Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng, coliform; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số $K_q=0,9$ và $K_f = 0,9$).
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn:

- Giám sát lượng đất đá thải phát sinh từ hoạt động khai thác, lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh;
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát sự cố sa bồi ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu phía Tây dự án, tần suất 06 tháng/lần.

5.4. Giám sát quy trình nổ mìn, tần suất 06 tháng/lần.